

Bản án số: 193/2018/HNGĐ –ST

Ngày: 07/02/2018

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa Pên tòa: Ông Chu Xuân Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Bà Trần Thị Mỹ Hồng

2/Ông Nguyễn Văn Dũng

-Thư ký Pên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương –Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia Pên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu –Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1463/2017/TLST –HNGĐ ngày 24/10/2017 v/v: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 414/2017/QĐXXST –HNGĐ ngày 20/12/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST –HNGĐ ngày 15/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị B –Sinh năm: 1968

Trú tại: đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh –Có mặt.

Bị đơn: Ông Thái Văn H –Sinh năm: 1968

Trú tại: đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh –Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Bà Lê Thị B –là nguyên đơn trình bày:*

Bà và ông Thái Văn H sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14/11/1988. Cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng năm 2007 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do ông H ngoại tình. Bà đã nhiều lần tha thứ nhưng ông H vẫn không sửa đổi. Từ đó cả hai không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Từ khoảng năm 2015 đến nay ông H không hề phụ giúp bà gì về kinh tế. Mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình và lo cho con cái đều do một mình bà lo liệu. Bà và ông H tuy vẫn sống chung nhà nhưng cả hai xem nhau như người dưng, không còn quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe của cả hai nên bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông H, trả tự do cho nhau không ai ràng buộc lẫn ai.

+Về con chung: Có 03 (ba) con chung:

-Thái Hoàng P –Sinh ngày: 24/6/1989

-Thái Hoàng L –Sinh ngày: 15/7/1995

-Thái Hoàng G –Sinh ngày: 28/7/1997

Các con đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về tài sản chung: Bà yêu cầu để tự thỏa thuận với ông H và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ông Thái Văn H –là bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt thông báo thụ lý, ra giấy triệu tập, thông báo phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải yêu cầu có mặt tại tòa để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông H không có mặt và cũng không gửi văn bản phản hồi về yêu cầu xin ly hôn của bà B.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thông báo văn bản tố tụng, tiến hành tổng đạt, hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như thủ tục khai mạc phiên tòa. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn cũng như về con chung, tài sản chung, nợ chung...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị B và ông Thái Văn H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp thể hiện qua giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14/11/1988. Bà B khởi kiện xin ly hôn, ông Thái Văn H là bị đơn trong vụ án cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó căn cứ điều 28, khoản 1 điều 35, điều 36, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân.

[1.2] Về cấp, tổng đạt văn bản tố tụng:

-Căn cứ kết quả xác minh ngày 08/12/2017 của công an phường B, quận C thì ông Thái Văn H có hộ khẩu và hiện cư trú tại địa chỉ đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H đều vắng mặt không rõ lý do. Do đó căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Theo trình bày của bà Lê Thị B thì bà và ông Thái Văn H kết hôn với nhau năm 1988. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên sau đó giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H ngoại tình và không lo gì cho gia đình, con cái. Như vậy mâu thuẫn giữa

hai ông bà xuất phát từ việc cả hai không tôn trọng nhau nên không tạo dựng được hạnh phúc. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập ông H yêu cầu có mặt tại Tòa án để tiến hành hòa giải nhưng ông H đều vắng mặt. Điều đó cho thấy ông H cũng không coi trọng mối quan hệ hôn nhân này. Xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy địa phương cũng đã hòa giải cho hai vợ chồng nhưng không có kết quả. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa hai ông bà khó có khả năng hàn gắn, tình trạng hôn nhân đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho ly hôn là cần thiết. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà B đối với ông H.

[2.2] Về con chung: Có 03 (ba) con chung:

-Thái Hoàng P –Sinh ngày: 24/6/1989

-Thái Hoàng L –Sinh ngày: 15/7/1995

-Thái Hoàng G –Sinh ngày: 28/7/1997

Các con chung của bà B và ông H đã trưởng thành nên Tòa không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà B đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà B xác nhận không có nên Tòa không xét.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân về việc thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án đã tuân thủ các thủ tục tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 36, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điều 170, điều 175, điều 179, điều 203, điều 227, điều 228, điều 266, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ điều 56, điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

-Căn cứ Luật phí và lệ phí số 27/2015/L –CTN ngày 08/12/2015.

-Căn cứ Nghị quyết 326/NQ –UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008, sửa đổi năm 2014.

1/Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị B đối với ông Thái Văn H. Giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14/11/1988 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/Về con chung: Có 03 (ba) con chung:

-Thái Hoàng P –Sinh ngày: 24/6/1989

-Thái Hoàng L –Sinh ngày: 15/7/1995

-Thái Hoàng G –Sinh ngày: 28/7/1997

Các con chung của bà B và ông H đã trưởng thành nên Tòa không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

3/Về tài sản chung: Bà Lê Thị B đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4/Về nợ chung: Bà B xác nhận không có nên Tòa không xét.

5/Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị B chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 01357 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/Bà Lê Thị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Thái Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành án cho đương sự có mặt)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Tân.
- Chi cục THADS Q. Bình Tân.
- UBND X Đ, H E, T Quảng Nam.
- Người tham gia tố tụng
- LưuVP, HS

Chu Xuân Quyền

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa Pên tòa

Chu Xuân Quyền